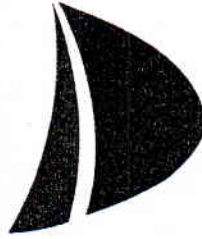


BẢN SAO



MHDVIETNAM

You trust us, you are perfect

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
DỊCH VỤ ĐÔ THỊ SƠN LA**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban giám đốc	1
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	2 – 3
3	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	4 – 5
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	6
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	7 - 8
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính riêng</i>	9 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Sơn La (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuất	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Bà Đàm Thị Thanh Thơm	Thành viên
Ông Đặng Đức Chính	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Tuất	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc
Ông Đặng Đức Chính	Phó Giám đốc
Ông Ngọc Mạnh Hùng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

5500217948
Số: 2798..... Quyển Số: 05
Hội đồng quản trị đại diện cho Ban Giám đốc
CÔNG CHỨNG VIÊN
M.S.Đ.Đ: 01 - C.2.1.1
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
QUANG KHÁNH
TP. SƠN LA - T. SƠN LA
Giám đốc

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Cầm Bình Chính

Số: *17* /2022/MHD/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Sơn La

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Sơn La (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Sơn La tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Bá Ngọc

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
4044 - 2022 - 198 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ
MHD**

Ngày 9 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thế Thuận

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4056 - 2022 - 198 - 1

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẢNG KHÁNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

15 -12- 2022

Số: 2798.....Quyển Số: 05.....

CÔNG CHỨNG VIÊN



Cầm Bình Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.207.045.152	118.528.063.069
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.013.843.764	7.942.551.325
1 Tiền	111		8.013.843.764	7.942.551.325
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.027.564.908	95.465.574.763
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	67.169.371.007	67.125.257.394
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.424.121.349	10.500.090.722
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.434.072.552	17.840.226.647
IV. Hàng tồn kho	140		24.160.833.649	15.119.936.981
1 Hàng tồn kho	141	V.5	24.160.833.649	15.119.936.981
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.802.831	-
1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.802.831	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.122.629.586	244.160.277.462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		233.895.384.117	236.652.894.843
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	233.818.384.117	236.547.894.843
- Nguyên giá	222		333.507.032.185	320.924.389.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.688.648.068)	(84.376.494.250)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7	77.000.000	105.000.000
- Nguyên giá	228		140.000.000	140.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(35.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	4.568.000.000	4.568.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		4.568.000.000	4.568.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.659.245.469	2.939.382.619
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.659.245.469	2.939.382.619
TỔNG TÀI SẢN	270		370.329.674.738	362.688.340.531

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		63.341.918.598	56.530.109.294
I. Nợ ngắn hạn	310		63.246.018.598	56.434.209.294
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.381.096.711	21.128.824.375
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		765.570.460	22.400.110
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	17.164.305.071	16.740.180.990
4 Phải trả người lao động	314		16.098.223.244	12.717.774.659
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		128.911.530	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	3.823.933.668	5.086.416.544
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	6.407.571.007	37.480.000
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		476.406.907	701.132.616
II. Nợ dài hạn	330		95.900.000	95.900.000
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	95.900.000	95.900.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306.987.756.140	306.158.231.237
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	306.877.627.217	306.048.102.314
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.624.627.915	304.624.627.915
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		304.624.627.915	304.624.627.915
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.252.999.302	1.423.474.399
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		110.128.923	110.128.923
1 Nguồn kinh phí	431		110.128.923	110.128.923
TỔNG NGUỒN VỐN	440		370.329.674.738	362.688.340.531

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Đinh Thị Hằng



Tùng Thị Kiều

Lê Văn Tuất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.944.958.508	180.212.863.834		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		179.944.958.508	180.212.863.834		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	158.557.309.822	158.983.479.021		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.387.648.686	21.229.384.813		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	343.281.478	453.242.537		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.105.167	31.434.324		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.105.167	31.434.324		
8. Chi phí bán hàng	25		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.660.013.643	16.387.457.840		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.062.811.354	5.263.735.186		
11. Thu nhập khác	31	VI.6	21.801.355	96.325.017		
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.993.877.908	3.945.535.171		
13. Lợi nhuận khác	40		(1.972.076.553)	(3.849.210.154)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.090.734.801	1.414.525.032		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.016.922.542	722.258.542		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.073.812.259	692.266.490		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Số: 2798.....Quyển Số: 05.....

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Giám đốc

Đinh Thị Hằng

Tùng Thị Kiều

Nguyễn Văn Tuất



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2021

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.090.734.801	1.414.525.032
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15.340.153.818	15.435.034.949
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(343.281.478)	(453.242.537)
Chi phí lãi vay	06	8.105.167	31.434.324
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.095.712.308	16.427.751.768
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.741.571.408	(10.950.653.016)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.040.896.668)	7.808.631.527
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(43.524.112)	(2.622.298.383)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(719.862.850)	(1.092.322.045)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(31.434.324)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(764.422.656)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.019.650.000)	(655.238.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.248.927.430	8.884.437.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.582.643.092)	(3.892.110.317)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.917.094	453.242.537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.547.725.998)	(3.438.867.780)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	92.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	6.407.571.007	162.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.480.000)	(4.778.275.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.370.091.007	(4.524.275.257)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	71.292.439	921.294.490
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.942.551.325	7.021.256.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.013.843.764	7.942.551.325

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Thị Hằng

Tông Thị Kiều

Lã Văn Tuất

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẢNG KHÁNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

15 -12- 2022

Số: 2798 Quyền Số: 05

CÔNG CHỨNG VIÊN



Chăm Bình Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Sơn La được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Môi trường Đô thị Sơn La và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 Công ty Cổ phần số 5500217948 ngày 03/01/2017 (Lần đầu với Công ty Cổ phần) và Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 5500217948 ngày 07/03/2019 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.
Trụ sở chính của Công ty tại Số 7, đường Bàn Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 5500217948 ngày 07/03/2019 là 304.624.627.915 đồng (Ba trăm lẻ bốn tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm mười lăm đồng chẵn) tương đương với 30.462.463 cổ phần (Mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phần)

Tên cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Cổ đông Nhà nước	300.473.627.915	98,64%	300.473.627.915	98,64%
Cổ đông khác	4.151.000.000	1,36%	4.151.000.000	1,36%
Cộng	304.624.627.915	100%	304.624.627.915	100%

Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: Nguyễn Xuân Minh
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thông tin về các đơn vị trực thuộc

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ đô thị thành phố Sơn La – công ty con
Địa chỉ: Số 7, Đường Bàn Cọ, Phường Chiềng An, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ môi trường đô thị

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông nội thị và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Quản lý vận hành hệ thống đèn chiếu sáng, trang trí đô thị - Quản lý dịch vụ quảng cáo đô thị, thực hiện các dịch vụ đô thị khác - Trồng, chăm sóc, ương cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

Hoạt động tư vấn quản lý

Chi tiết: Lập quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quản lý, giám sát chất lượng công trình xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

dựng.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Xây dựng công trình công ích

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Thu gom rác thải không độc hại

Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

Thoát nước và xử lý nước thải

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

Thu gom rác thải độc hại

Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại

Tái chế phế liệu

Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ

Lắp đặt hệ thống điện

Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác

Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh

Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh

Chuẩn bị mặt bằng

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Thiết kế các công trình: Dân dụng và công nghiệp, giao thông, công trình điện đến 35 KV.

Vận tải hành khách đường bộ khác

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Bốc xếp hàng hóa

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2021, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản	2021 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Chi phí khấu hao tài sản cố định công cộng do Nhà nước giao Công ty quản lý, vận hành được hạch toán vào nguồn kinh phí đã hình thành tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách Kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán các khoản trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận nguồn kinh phí

Công ty phản ánh các khoản tiền do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các công trình, dự án do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao Công ty làm Chủ đầu tư nhưng chưa được duyệt quyết toán chi phí thực hiện vào tài khoản Nguồn kinh phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành theo khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu giữa 2 bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế giá trị gia tăng và chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế giá trị gia tăng được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Công ty có các hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động chịu thuế của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

Năm 2021 Công ty được miễn giảm thuế TNDN 30%.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ
ĐÔ THỊ SƠN LA**

Số 7, đường Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.104.268.044	1.054.476.365
Tiền gửi ngân hàng	6.909.575.720	6.888.074.960
Cộng	8.013.843.764	7.942.551.325

V.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	67.169.371.007	67.125.257.394
UBND huyện Mộc Châu_DVCI	3.089.748.000	4.321.275.000
UBND huyện Mai Sơn_DVCI	1.816.652.000	1.938.215.000
Ban quản lý dự án ODA tỉnh Sơn La	5.765.771.800	488.285.800
Vận hành Nhà máy XLCTR Thành phố	11.788.251.100	10.572.950.860
Trồng cây xanh khu trung tâm hành chính, quảng trường	3.962.068.000	6.411.968.000
UBND thành phố Sơn La_DVCI	19.630.204.136	17.673.859.882
Các đối tượng khác	21.116.675.971	25.718.702.852
Cộng	67.169.371.007	67.125.257.394

V.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.424.121.349	10.500.090.722
Nguyễn Văn Lượng	173.365.000	1.015.290.000
Nguyễn Ngọc Phương	2.052.029.231	
Nguyễn Thị Tuyết	1.043.660.915	1.672.325.915
Đối tượng khác	1.155.066.203	7.812.474.807
Cộng	4.424.121.349	10.500.090.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V.4. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	17.434.072.552	-	17.840.226.647	-
Phải thu tiền thuế GTGT	12.682.661.164	-	12.682.661.164	-
Phải thu lợi nhuận công ty con	-	-	-	-
Phải thu khác	4.751.411.388	-	5.157.565.483	-
Cộng	17.434.072.552	-	17.840.226.647	-

V.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.467.959.999	-	6.527.575.500	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.692.873.650	-	8.592.361.481	-
	24.160.833.649	-	15.119.936.981	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V.6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2021	148.307.801.060	87.562.745.751	83.131.906.827	279.756.455	1.642.179.000	320.924.389.093
Mua trong năm	1.010.719.999		11.086.299.093		485.624.000	12.582.643.092
Tăng do phân loại lại						-
Thanh lý, nhượng bán						-
31/12/2021	<u>149.318.521.059</u>	<u>87.562.745.751</u>	<u>94.218.205.920</u>	<u>279.756.455</u>	<u>2.127.803.000</u>	<u>333.507.032.185</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2021	22.330.501.415	12.939.299.390	48.680.829.599	120.554.947	305.308.900	84.376.494.250
Khấu hao trong năm	4.290.793.964	3.263.583.455	7.536.592.232	37.620.859	183.563.308	15.312.153.818
Phân loại lại						-
31/12/2021	<u>26.621.295.379</u>	<u>16.202.882.845</u>	<u>56.217.421.831</u>	<u>158.175.806</u>	<u>488.872.208</u>	<u>99.688.648.068</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2021	<u>125.977.299.645</u>	<u>74.623.446.361</u>	<u>34.451.077.228</u>	<u>159.201.509</u>	<u>1.336.870.100</u>	<u>236.547.894.843</u>
31/12/2021	<u>122.697.225.680</u>	<u>71.359.862.906</u>	<u>38.000.784.089</u>	<u>121.580.650</u>	<u>1.638.930.792</u>	<u>233.818.384.117</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V.7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	140.000.000	140.000.000
- Mua trong năm	-	-
31/12/2021	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	35.000.000	35.000.000
- Khấu hao trong năm	28.000.000	28.000.000
31/12/2021	<u>63.000.000</u>	<u>63.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	<u>105.000.000</u>	<u>105.000.000</u>
31/12/2021	<u>77.000.000</u>	<u>77.000.000</u>

V.8. Đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh trang 21)

V.9. Chi phí trả trước

	31/12/2021 <u>VND</u>	01/01/2021 <u>VND</u>
Dài hạn	3.659.245.469	2.939.382.619
Công cụ dụng cụ, chi phí khác dài hạn chờ phân bổ	3.659.245.469	2.939.382.619
	<u>3.659.245.469</u>	<u>2.939.382.619</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

V.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.568.000.000	4.568.000.000	-	4.568.000.000	4.568.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	4.568.000.000	4.568.000.000	-	4.568.000.000	4.568.000.000	-

Khoản đầu tư vào công ty con tại 31/12/2021 là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ đô thị thành phố Sơn La.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 7, Đường Bàn Cọ, Phường Chiềng An, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.
Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ môi trường đô thị.

V.10. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.106.964.711	17.106.964.711	20.981.753.375	20.981.753.375
Công ty TNHH TM và cảnh quan cuộc sống xanh	1.082.200.000	1.082.200.000	-	-
Công ty TNHH thương mại Khương Hương	1.064.298.849	1.064.298.849	150.064.250	150.064.250
Nguyễn Văn Tú	1.851.190.000	1.851.190.000	-	-
Đối tượng khác	13.109.275.862	13.109.275.862	20.831.689.125	20.831.689.125
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	1.274.132.000	1.274.132.000	147.071.000	147.071.000
Công ty TNHH MTV dịch vụ Đô Thị Sơn La	1.274.132.000	1.274.132.000	147.071.000	147.071.000
Cộng	18.381.096.711	18.381.096.711	21.128.824.375	21.128.824.375

V.11. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	14.690.137.383	9.451.104.727	9.181.165.631	14.960.076.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	647.855.457	1.062.906.542	764.422.656	946.339.343
Thuế thu nhập cá nhân	128.518.710	139.639.232	218.859.486	49.298.456
Thuế tài nguyên	9.546.805	42.720.567	52.267.372	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.343.068.983	1.343.068.983	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.264.122.635	92.864.925	148.396.767	1.208.590.793
Cộng	16.740.180.990	12.132.304.976	11.708.180.895	17.164.305.071
Thuế và các khoản phải thu ngân sách nhà nước				
- Thuế tài nguyên	-	-	4.802.831	4.802.831
	-	-	4.802.831	4.802.831

V.12. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.407.571.007	6.407.571.007	6.407.571.007	37.480.000	37.480.000	37.480.000
NH TMCP DT&PT Việt Nam CN Sơn La	6.377.571.007	6.377.571.007	6.377.571.007	-	-	-
Bùi Thị Hiếu	-	-	-	37.480.000	37.480.000	37.480.000
Nguyễn Văn Phúc Thị trấn Bắc Yên	30.000.000	30.000.000	30.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
	6.407.571.007	6.407.571.007	6.407.571.007	37.480.000	37.480.000	37.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V.13. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.823.933.668	5.086.416.544
- Phải trả khác	3.823.933.668	5.086.416.544
b) Dài hạn	95.900.000	95.900.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	95.900.000	95.900.000
Cộng	3.919.833.668	5.182.316.544

V.14. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư	Cổ phiếu	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	quỹ	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	VND	chưa phân phối	VND
				VND	
01/01/2021	304.624.627.915	-	1.423.474.399	-	306.048.102.314
Tăng vốn trong năm	-	-	829.524.903	2.073.812.259	2.903.337.162
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	2.073.812.259	2.073.812.259
Trích lập các quỹ	-	-	829.524.903	-	829.524.903
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	2.073.812.259	2.073.812.259
Chia cổ tức, Trích lập các quỹ	-	-	-	2.073.812.259	2.073.812.259
Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2021	304.624.627.915	-	2.252.999.302	-	306.877.627.217

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Cổ đông Nhà nước	300.473.627.915	98,64%	300.473.627.915	98,64%
Cổ đông khác	4.151.000.000	1,36%	4.151.000.000	1,36%
Cộng	304.624.627.915	100%	304.624.627.915	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ
ĐÔ THỊ SƠN LA**

Số 7, đường Bàn Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

MAU SỐ B 09-DN**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.944.958.508	180.212.863.834
Cộng	179.944.958.508	180.212.863.834

VI.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.557.309.822	158.983.479.021
Cộng	158.557.309.822	158.983.479.021

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	343.281.478	453.242.537
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	343.281.478	453.242.537

VI.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	8.105.167	31.434.324
	-	-
Cộng	8.105.167	31.434.324

VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	16.660.013.643	16.387.457.840
Chi phí nhân viên quản lý	8.128.209.251	8.380.032.183
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.960.811.403	2.034.786.803
Thuế, phí và lệ phí	1.471.926.141	1.024.299.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.683.457.468	4.852.729.919
Chi phí bằng tiền khác	1.415.609.380	95.609.558

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ
ĐÔ THỊ SƠN LA**

Số 7, đường Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2021

MÀU SỐ B 09-DN

VI.6. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	21.801.355	96.325.017
	21.801.355	96.325.017

VI.7. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí khác	1.993.877.845	3.945.535.171
	1.993.877.845	3.945.535.171

VI.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.090.734.801	1.414.525.032
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.993.877.908	3.867.446.321
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Lợi nhuận công ty con chuyển về	-	(122.981.767)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	5.084.612.709	5.158.989.586
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.016.922.542	1.031.797.917
Thuế suất TNDN được miễn giảm	0%	30%
Thuế TNDN được miễn giảm	-	309.539.375
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.016.922.542	722.258.542

VII. THÔNG TIN KHÁC

VII.1. Các khoản nợ tiềm tàng, các khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ các khoản nợ tiềm tàng và cam kết nào, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021.

VII.2. Sự kiện kết thúc sau ngày khóa sổ niên độ kế toán

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

VII.3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm hoạt động, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch với bên liên quan	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH MTV dịch vụ Đô Thị Sơn La	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	406.427.273
Công ty TNHH MTV dịch vụ Đô Thị Sơn La	Công ty con	Thuê dịch vụ	5.306.991.000	531.070.000
Số dư các bên liên quan tại ngày 31/12/2021 như sau:				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch với bên liên quan	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty TNHH MTV dịch vụ Đô Thị Sơn La	Công ty con	Phải trả người bán	1.274.132.000	147.071.000

VII.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá MHD.

Số: 2798.....Quyển Số: 05.....

CÔNG CHỨNG VIÊN

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hằng

Tùng Thị Kiều



61 5

11

